



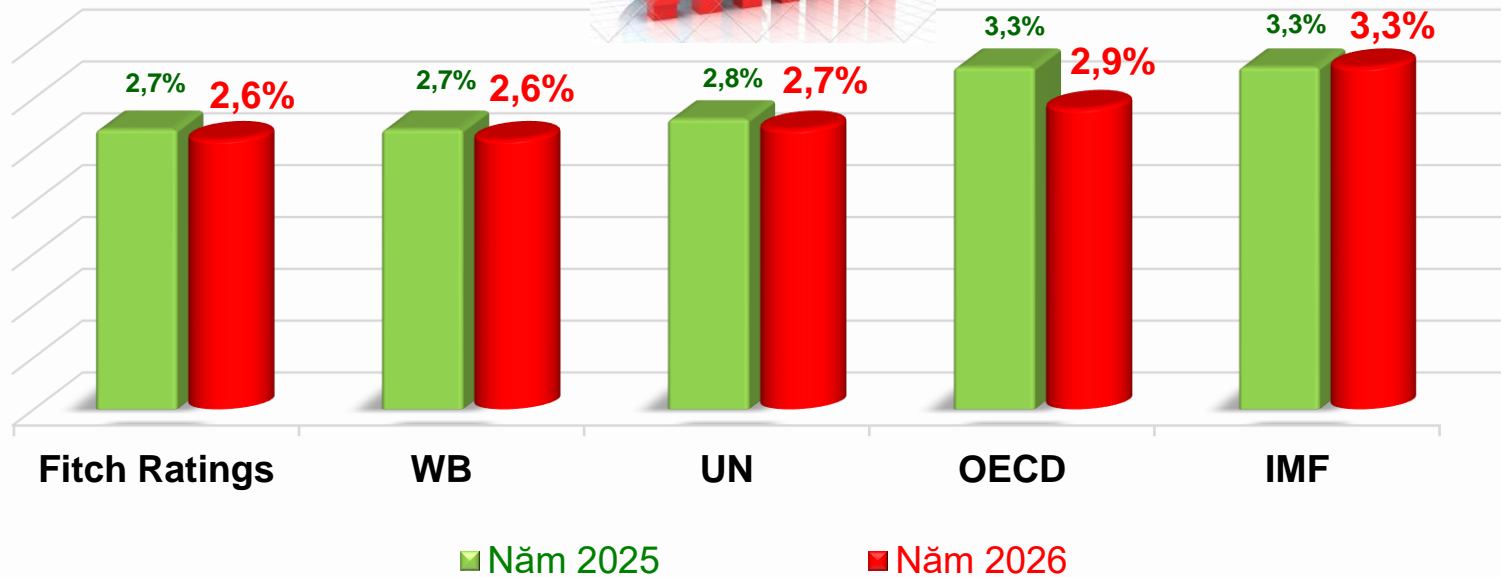
**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THỐNG KÊ**

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ I NĂM 2026

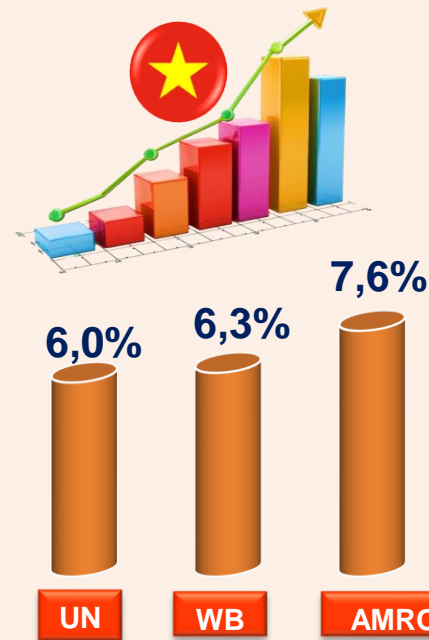
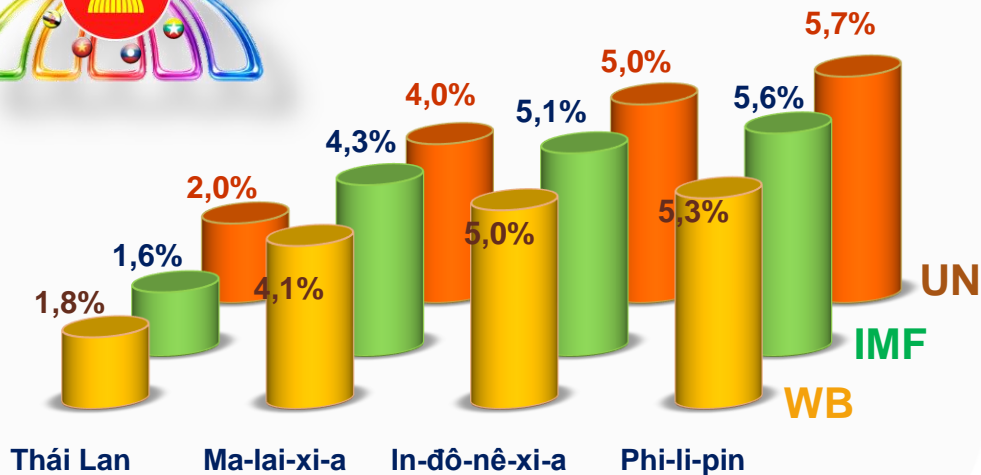


Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2026



DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2026 KHU VỰC ASEAN





TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÔNG NGHỆ



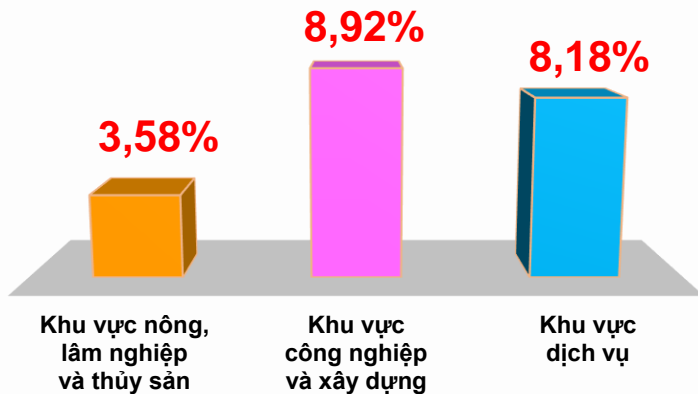
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ QUÝ I NĂM 2026



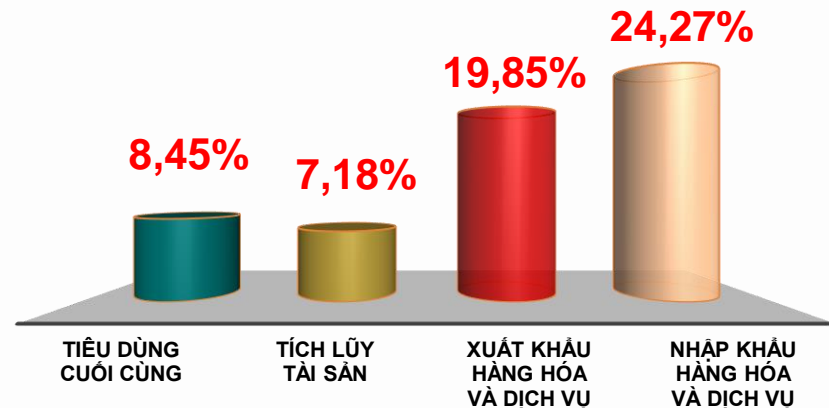
Tốc độ tăng GDP

7,83%

PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT



PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG



CƠ CẤU NỀN KINH TẾ QUÝ I NĂM 2026



**Thuế sản phẩm
trừ trợ cấp sản phẩm**

8,51%

**Nông, lâm nghiệp
và thủy sản**

10,89%



Dịch vụ

43,45%

37,15%

**Công nghiệp
và xây dựng**



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH KHU VỰC I QUÝ I NĂM 2026



Khu vực nông, lâm nghiệp
và thủy sản

▲ 3,58%

Nông nghiệp

3,36%



3,22%



Lâm nghiệp

Thủy sản

4,51%



TRỒNG TRọt CÂY HÀNG NĂM

(Tính đến 20/3/2026)



Gieo cấy lúa đông xuân

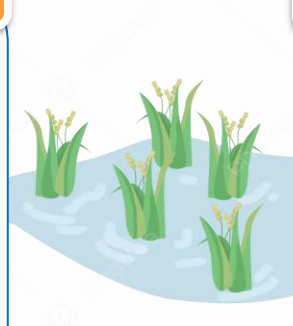
Cả nước: **2.915,2** nghìn ha

▼ **37,3** nghìn ha

Đồng bằng sông Cửu Long

1.240,7 nghìn ha

▼ **24,8** nghìn ha



Lúa mùa vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích: **182,3** nghìn ha ▼ **9,4** nghìn ha

Năng suất: **53,5** tạ/ha ▲ **0,8** tạ/ha

Sản lượng: **975,3** nghìn tấn ▼ **34,5** nghìn tấn

Tăng/giảm so với vụ mùa năm trước

Diện tích gieo trồng một số cây rau màu

312,8

nghìn ha



▼ **2,9%**

Ngô

89,6

nghìn ha



▼ **1,3%**

Lạc

9,5

nghìn ha



▲ **5,6%**

Đậu tương

43,0

nghìn ha



Bằng cùng kỳ năm trước

Khoai lang

527,9

nghìn ha

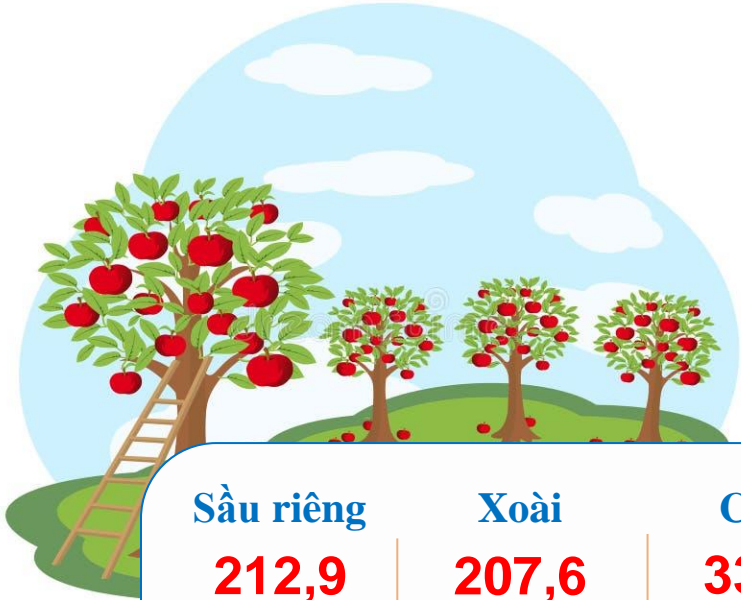


▲ **0,4%**

Rau



Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu quý I năm 2026



Sầu riêng

212,9
nghìn tấn



▲ 15,0%

Xoài

207,6
nghìn tấn



▲ 1,8%

Cam

333,2
nghìn tấn



▲ 1,2%

Hồ tiêu

154,8
nghìn tấn



▲ 5,3%

Chè búp

187,7
nghìn tấn



▲ 4,2%

Cao su

135,5
nghìn tấn



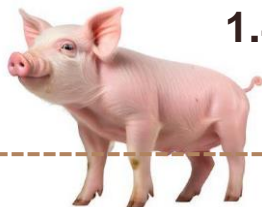
▲ 0,4%

CHĂN NUÔI QUÝ I NĂM 2026

Tốc độ tăng số lượng
tính đến thời điểm
cuối tháng 3/2026

▲ 2,9%

LỢN



Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng

1.439,3 nghìn tấn

▲ 4,9%

Tốc độ tăng số lượng
tính đến thời điểm
cuối tháng 3/2026

▲ 3,3%

GIA CẦM



Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng

660,8 nghìn tấn

▲ 5,8%

Tốc độ tăng số lượng
tính đến thời điểm
cuối tháng 3/2026

▼ 4,8%

TRÂU



Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng

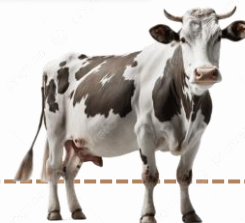
32,7 nghìn tấn

▼ 0,4%

Tốc độ tăng số lượng
tính đến thời điểm
cuối tháng 3/2026

▼ 1,9%

BÒ



Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng

137,7 nghìn tấn

▲ 2,1%

LÂM NGHIỆP QUÝ I NĂM 2026



Diện tích rừng trồng mới tập trung

45,6 nghìn ha ▲ **1,5%**

Số cây lâm nghiệp
trồng phân tán

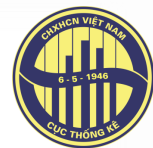
19,0 triệu cây ▼ **1,5%**



Số lượng gỗ
khai thác

4,3 triệu m³ ▲ **2,6%**

THỦY SẢN QUÝ I NĂM 2026



Sản lượng thủy sản

2.184,0 nghìn tấn ▲ **3,2%**

Nuôi trồng

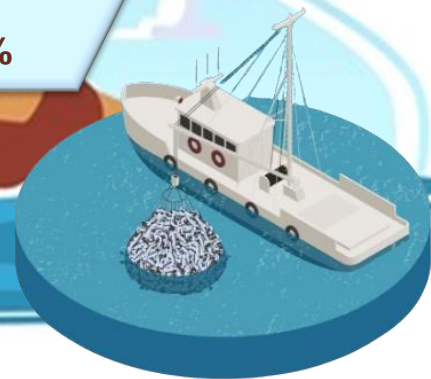
1.296,8 nghìn tấn

▲ **5,4%**

Khai thác

887,2 nghìn tấn

▲ **0,2%**



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH KHU VỰC II QUÝ I NĂM 2026

Khu vực công nghiệp
và xây dựng

▲ 8,92%



9,01%



Công nghiệp

8,36%



Xây dựng

MỘT SỐ CHỈ SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO QUÝ I NĂM 2026



▲ **9,5%**

(so với cùng kỳ năm 2025)

Chỉ số tiêu thụ

toàn ngành công nghiệp
chế biến, chế tạo

▲ **12,9%**

(so với cùng thời điểm năm 2025)

Chỉ số tồn kho

toàn ngành công nghiệp chế biến,
chế tạo ước tính tại thời điểm 31/3/2026

84,8%

Tỷ lệ tồn kho

toàn ngành chế biến, chế tạo
bình quân quý I năm 2026

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I NĂM 2026

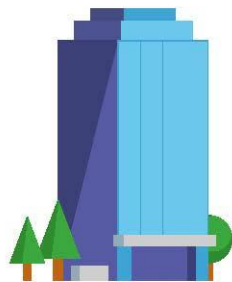


Doanh nghiệp đăng ký
thành lập mới
và quay trở lại hoạt động

96,0

nghìn doanh nghiệp

▲ 31,7%



Doanh nghiệp rút lui
khỏi thị trường

91,8

nghìn doanh nghiệp

▲ 16,5%



XU HƯỚNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO



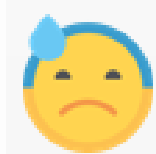
Quý I/2026 so với quý IV/2025



23,8% Doanh nghiệp đánh giá xu hướng tốt lên



46,1% Doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD ổn định



30,1% Doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn



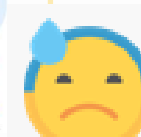
Quý II/2026 so với quý I/2026



40,8% Doanh nghiệp dự báo xu hướng tốt lên



37,5% Doanh nghiệp dự báo tình hình SXKD ổn định



21,7% Doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH KHU VỰC III QUÝ I NĂM 2026

Khu vực dịch vụ

▲ 8,18%



9,62%



Bán buôn
và bán lẻ



8,95%



Vận tải,
kho bãi



7,70%



Hoạt động
tài chính,
ngân hàng
và bảo hiểm



7,65%



Thông tin và
truyền thông



7,49%

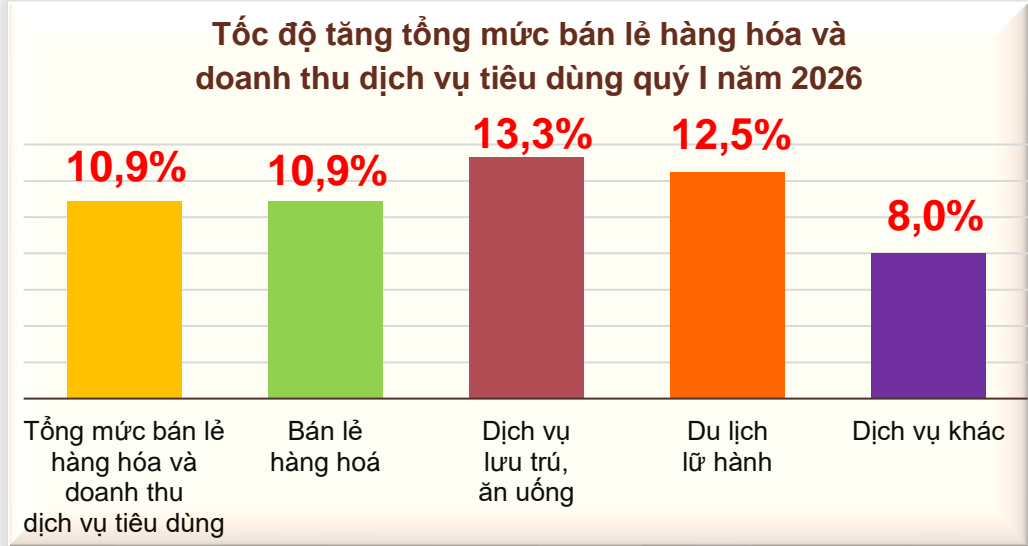


Dịch vụ
lưu trú
và ăn uống



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG QUÝ I NĂM 2026

1.902,8 nghìn tỷ đồng ▲ **10,9%**
Nếu loại trừ yếu tố giá ▲ **7,0%**



VẬN TẢI QUÝ I NĂM 2026

Vận tải hành khách

Vận chuyển

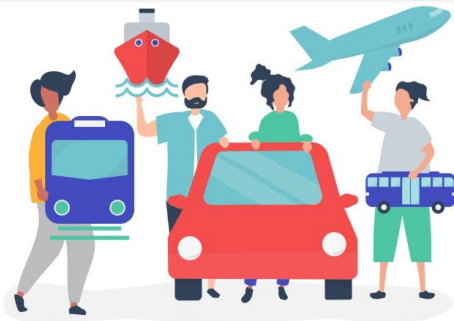
1.649,8 triệu lượt khách

▲ 18,3%

Luân chuyển

84,5 tỷ lượt khách.km

▲ 11,3%



Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

810,9 triệu tấn

▲ 14,5%

Luân chuyển

157,6 tỷ tấn.km

▲ 12,0%



KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM QUÝ I NĂM 2026

6,76 triệu lượt người

▲ **12,4%**

(so với cùng kỳ năm 2025)



Đường hàng không

5,56

triệu lượt người



Đường bộ

1,05

triệu lượt người



Đường biển

148,2

nghìn lượt người



**ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ,
KIỂM SOÁT LẠM PHÁT**

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG, BẢO HIỂM, THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tổng phương tiện thanh toán

(tính đến 24/3/2026)

▲ **1,04%**

so với cuối năm 2025



Huy động vốn của các tổ chức tín dụng

(tính đến 24/3/2026)

▲ **0,44%**

so với cuối năm 2025



Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế

(tính đến 24/3/2026)

▲ **2,15%**

so với cuối năm 2025

Doanh thu phí bảo hiểm

quý I năm 2026

▲ **2,5%**

so với cùng kỳ năm 2025



Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu

(tính đến 30/3/2026)

▼ **3,6%**

so với cuối năm 2025



VỐN ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư thực hiện
toàn xã hội theo giá hiện hành

744,7 ▲ 10,7%
nghìn tỷ đồng



Khu vực Nhà nước

207,2 ▲ 11,6%
nghìn tỷ đồng

**Khu vực ngoài
Nhà nước**

402,4 ▲ 9,8%
nghìn tỷ đồng

**Khu vực có vốn
đầu tư nước ngoài**

135,1 ▲ 11,8%
nghìn tỷ đồng

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐĂNG KÝ VÀO VIỆT NAM

tính đến 31/3/2026



Tổng vốn FDI vào Việt Nam

15,20 tỷ USD ▲ **42,9%**



Vốn đăng ký
cấp mới

10,23 tỷ USD Gấp **2,4** lần

Vốn đăng ký
điều chỉnh

2,30 tỷ USD ▼ **55,1%**

Giá trị góp vốn
mua cổ phần

2,66 tỷ USD Gấp **2,3** lần

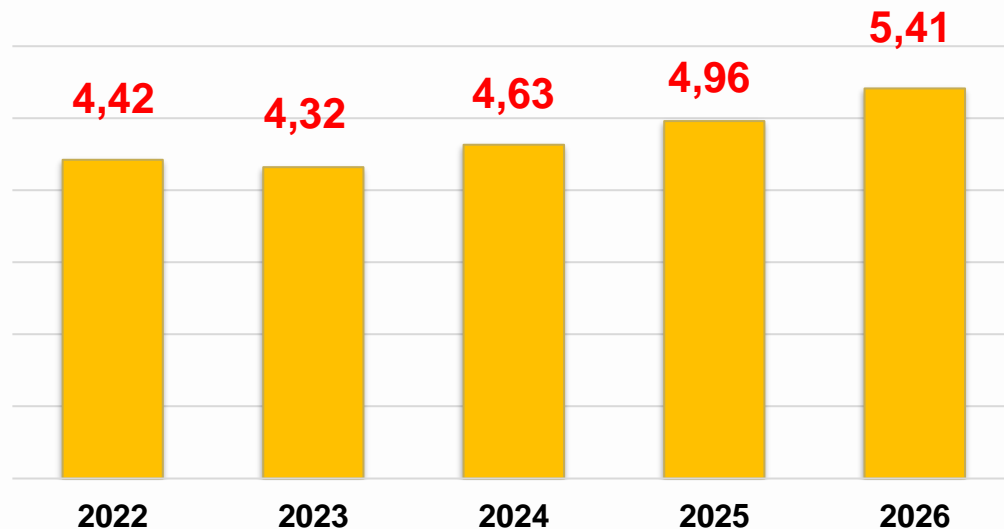
VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM



5,41 tỷ USD

▲ **9,1%**

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện
3 tháng đầu năm các năm 2022-2026 (tỷ USD)

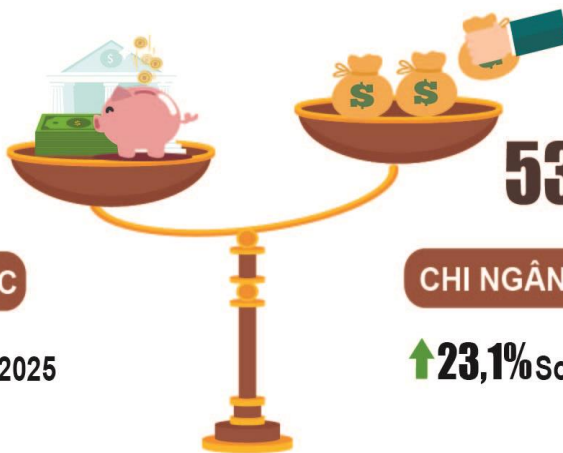


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

829,4 Nghìn
tỷ đồng

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

↑ **11,4%** So với cùng kỳ năm 2025



530,1 Nghìn
tỷ đồng

CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

↑ **23,1%** So với cùng kỳ năm 2025



XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I NĂM 2026

249,50 tỷ USD

▲ 23,0%



Tổng kim ngạch
xuất, nhập khẩu

122,93

tỷ USD

▲ 19,1%

Xuất khẩu

126,57

tỷ USD

▲ 27,0%

Nhập khẩu

NHẬP SIÊU

3,64

tỷ USD

XUẤT, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ QUÝ I NĂM 2026

10,78 tỷ USD

Kim ngạch nhập khẩu

(trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu là **4,0** tỷ USD)

▲ **16,9%**

9,10 tỷ USD

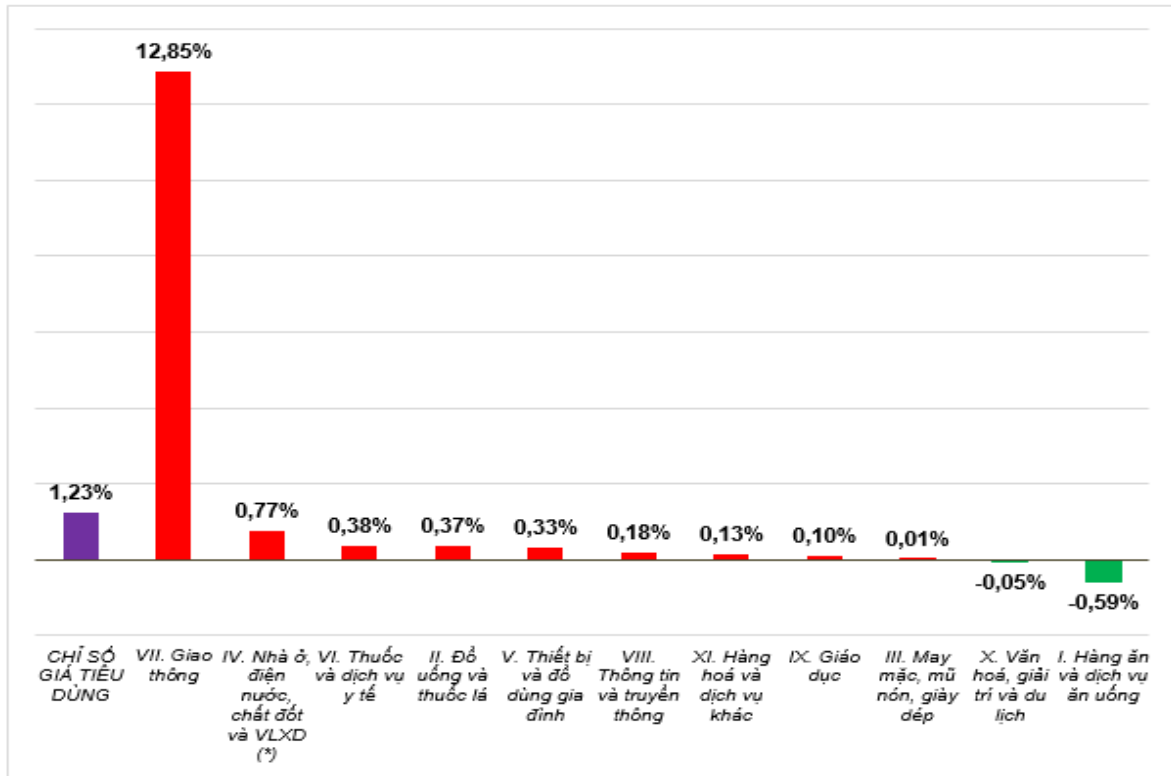
Kim ngạch xuất khẩu

▲ **19,2%**



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 3/2026 so với tháng trước (%)



101,23%

Tháng 3/2026 so với tháng 02/2026

104,65%

Tháng 3/2026 so với tháng 3/2025

103,51%

BQ quý I năm 2026 so với BQ quý I năm 2025

CHỈ SỐ GIÁ VÀNG

101,54%

Tháng 3/2026 so với
tháng 02/2026

182,77%

Tháng 3/2026 so với
tháng 3/2025

182,70%

BQ quý I năm 2026 so với
BQ quý I năm 2025



CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ



100,72%

Tháng 3/2026 so với
tháng 02/2026

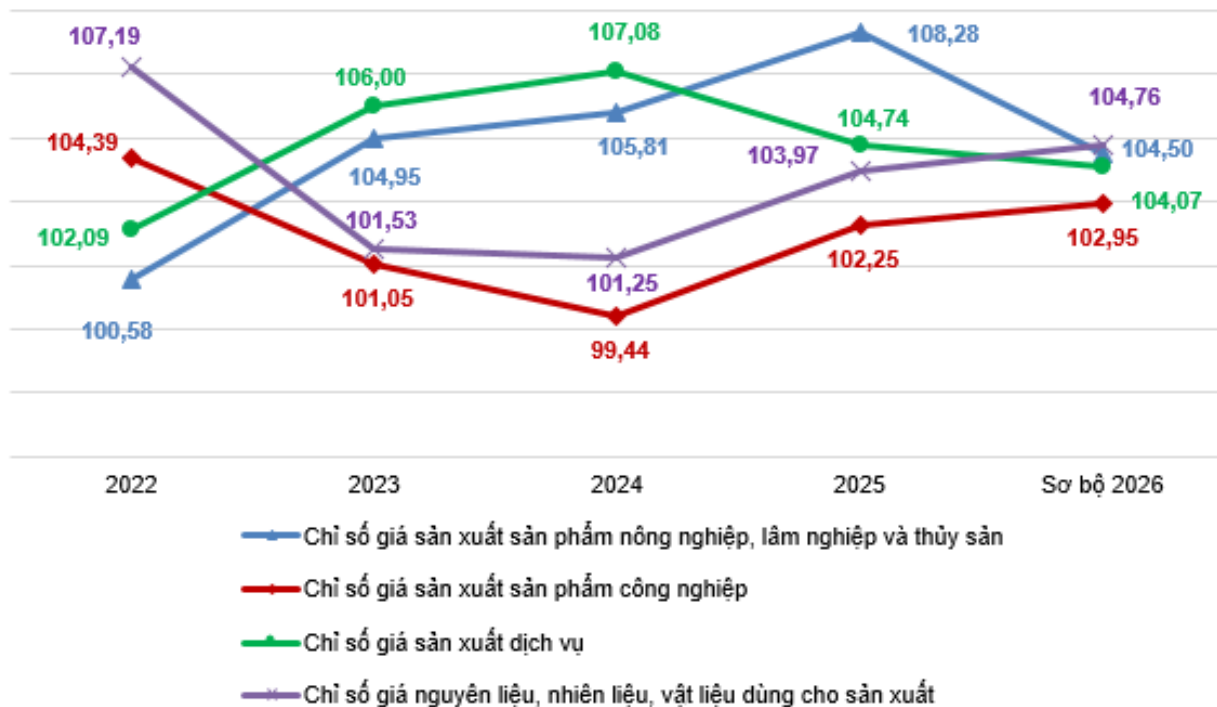
102,25%

Tháng 3/2026 so với
tháng 3/2025

102,58%

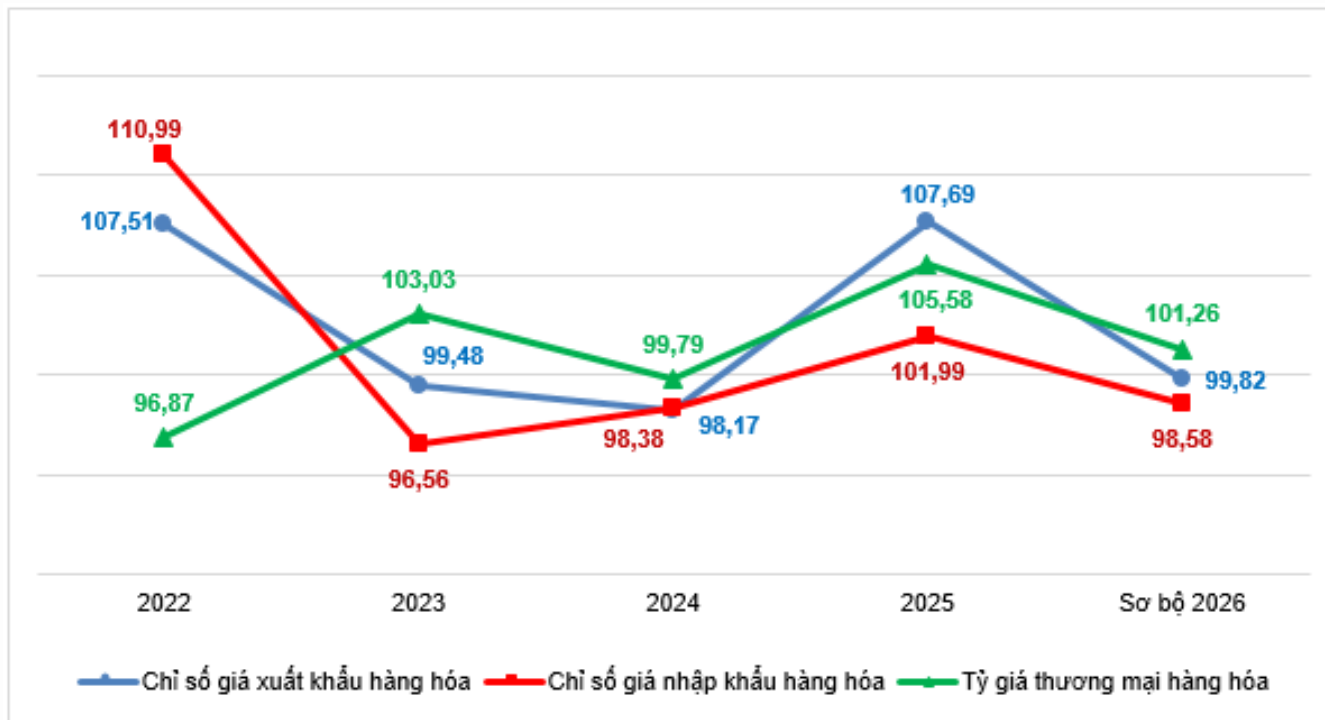
BQ quý I năm 2026 so với
BQ quý I năm 2025

CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT





CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ TỶ GIÁ THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA



III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI



LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM QUÝ I NĂM 2026

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



53,6 triệu người
▲ **687,8** nghìn người
(so với cùng kỳ năm 2025)

Lao động có việc làm



52,5 triệu người
▲ **656,8** nghìn người
(so với cùng kỳ năm 2025)

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động

1,68%



Thu nhập bình quân của lao động



9,0 triệu đồng/tháng
▲ **706,0** nghìn đồng
(so với cùng kỳ năm 2025)

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

2,21%



ĐỜI SỐNG DÂN CƯ VÀ CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI



Hộ có
thu nhập
tăng lên hoặc
không đổi



Hỗ trợ
các đối
tượng



Thẻ BHYT/
sổ/thẻ khám,
chữa bệnh
miễn phí



Chính phủ
hỗ trợ

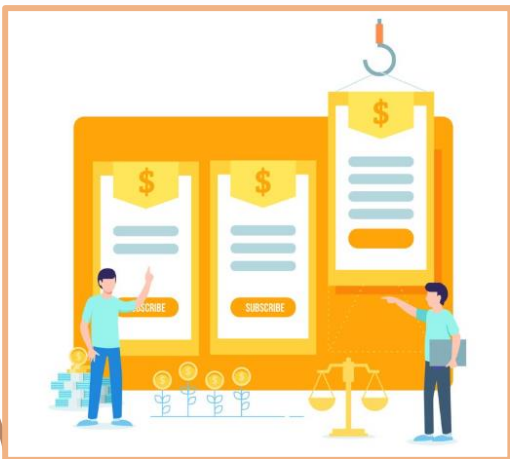




MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU



01



Một là, tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, cung ứng hàng hóa và kiểm soát giá cả, thị trường. Theo dõi sát diễn biến xung đột quân sự khu vực Trung Đông, giá dầu thế giới, chi phí vận tải quốc tế, biến động tỷ giá và các diễn biến mới phát sinh trên toàn cầu. Kịp thời cập nhật các kịch bản về tăng trưởng, lạm phát; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, hài hòa và thận trọng các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô nhằm duy trì sự ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế.

02



Hai là, bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, triển khai nhanh, hiệu quả các nhiệm vụ, dự án đầu tư quy mô lớn, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao. Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước một số lĩnh vực công nghệ cao, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số.

03



Ba là, đẩy mạnh tiêu dùng, tập trung phát triển thị trường trong nước. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử; có các biện pháp hỗ trợ phù hợp cho những ngành chịu tác động trực tiếp từ biến động giá nhiên liệu và chi phí lưu thông; thực hiện giãn, hoãn hoặc giảm một số khoản thuế, phí đầu vào trong giai đoạn khó khăn nhằm giúp doanh nghiệp ổn định hoạt động sản xuất và duy trì việc làm.

04



Bốn là, triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và đa dạng hóa thị trường, mặt hàng. Đẩy mạnh khai thác các thị trường lớn, thị trường tiềm năng, đồng thời tận dụng tối đa cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết để mở rộng dư địa xuất khẩu. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại theo hướng chuyên nghiệp.

05



Năm là, thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, thương mại điện tử, mô hình kinh doanh mới. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ; thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới, ưu tiên tập trung vào một số ngành như bán buôn, bán lẻ,...

06



Sáu là, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh; chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, có phương án sản xuất nông nghiệp phù hợp và chủ động cung cấp tưới, tiêu nước, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; phòng chống cháy rừng. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm, đảm bảo ổn định và nâng cao đời sống của Nhân dân.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN QUÝ VỊ!

Cục Thống kê

Địa chỉ: 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, Hà Nội

Điện thoại: 024 73046666, máy lẻ 8668

Website: <https://www.nso.gov.vn/>

Email: banbientap@nso.gov.vn

